TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK Bản án số:83/2024/HNGĐ-ST Ngày 31-05-2024 V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Thống

2. Bà Trần Thị Liên

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Bà Kiều Hồng Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 31/05/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:1040/2023/HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:45/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/05/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Bành Thị Thanh N-sinh năm: 1985(Có mặt)

Địa chỉ: thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

-Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh B-sinh năm: 1975(Vắng mặt)

Địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Bành Thị Thanh N trình bày:

Tôi và ông Huỳnh Thanh B tự nguyện sống chung từ năm 2011 có tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/02/2013.

Trước khi kết hôn với ông B thì tôi và B đã ly hôn và đều có con riêng.

Quá trình chung sống vợ chồng sảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, nguyên nhân mâu thuẫn, 02 vợ chồng sống không hòa hợp thường xuyên cãi vã dẫn đến nhiều mẫu thuẫn xung đột không thể hàn gắn. Tôi đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống tư năm 2019 đến nay, từ đó không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay xác định tình cảm vợ chồng là không còn tôi yêu cầu Tòa án xin ly hôn với ông Huỳnh Thanh B.

-Về con chung: Tôi và ông Huỳnh Thanh B có 01 con chung là: Cháu Huỳnh Thị Thanh D- sinh ngày: 30/11/2012. Hiện cháu đang ở với ông B.

Khi ly hôn tôi đồng ý giao con chung cho ông B được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung đến tuổi thành niên vì tôi không có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi và ông B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2].Đối với bị đơn ông Huỳnh Thanh B: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông Huỳnh Thanh B không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Bành Thị Thanh N và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Cho bà Bành Thị Thanh N được ly hôn với ông Huỳnh Thanh B.

-Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Thanh D- sinh ngày: 30/11/2012 cho ông Huỳnh Thanh B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên(18 tuổi)

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Bành Thị Thanh N và ông Huỳnh Thanh B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bành Thị Thanh N và ông Huỳnh Thanh B không yêu cầu nên không xem xét.

-Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Bành Thị Thanh N và bị đơn ông Huỳnh Thanh B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Ông Huỳnh Thanh B hiện nay sinh sống tại Thôn 5, xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng Huỳnh Thanh B không lên Tòa án làm việc không có lý do, không có ý kiến trình bày tiếp theo về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Bành Thị Thanh N; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 14 tháng 05 năm 2024. Tại phiên tòa hôm nay, ông B vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định.

[2] Hôn nhân giữa bà Bành Thị Thanh N và bị đơn ông Huỳnh Thanh B là hợp pháp; trong thời gian chung sống, có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng đến nhau nên sinh nghi ngờ dẫn đến cãi vã, hai bên đã hòa giải, hàn gắn nhưng không thành, tiếp tục mâu thuẫn, từ lâu cuộc sống vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc đến nhau. Như vậy, giữa bà Bành Thị Thanh N và bị đơn ông Huỳnh Thanh B không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng bà Bành Thị Thanh N và bị đơn ông Huỳnh Thanh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Bành Thị Thanh N và bị đơn ông Huỳnh Thanh B có 01 con chung là: Cháu Huỳnh Thị Thanh D- sinh ngày; 30/11/2012.

Xét nguyện vọng của bà N đồng ý giao con chung cho ông Huỳnh Thanh B được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu đến khi thành niên và xét nguyện vọng của cháu Huỳnh Thị Thanh D là được muốn ở với ông Huỳnh Thanh B. Xét đây là nguyện vọng là chính đáng vì từ khi ly thân năm 2019 đến nay cháu ở với ông B nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nên cần giao Huỳnh Thị Thanh D- sinh ngày 30/11/2012 cho ông Huỳnh Thanh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên(18 tuổi) là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bành Thị Thanh N và ông Huỳnh Thanh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: bà Bành Thị Thanh N và ông Huỳnh Thanh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6]. Về án phí bà N là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Bành Thị Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bành Thị Thanh N được ly hôn với ông Huỳnh Thanh B.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Thanh D- sinh ngày: 30/11/2012 cho ông Huỳnh Thanh B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên(18 tuổi).

Bà Bành Thị Thanh N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Bành Thị Thanh N và ông Huỳnh Thanh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bành Thị Thanh N và ông Huỳnh Thanh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Bành Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà N đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0004538 ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột. Ông Huỳnh Thanh B không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND xã Hòa Thuận
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ